

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Tùng

Ông Nguyễn Trọng Vinh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T***, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: ấp 4, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn: Anh Vũ Đình V***, sinh năm: 1976;

Hộ khẩu thường trú: ấp Q, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh V, chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2022, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T, chị và anh V tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo tập quán nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T do từ khi cưới nhau vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, anh V hay nhậu nhẹt, bê tha không quan tâm đến gia đình, con cái. Anh V còn đánh chị T nhiều lần không có

lý do. Chị T đã cho anh V nhiều cơ hội để thay đổi nhưng vẫn không có kết quả dẫn đến hai vợ chồng hay cãi vã, không cùng quan điểm trong công việc và trong suy nghĩ, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc. Vì vậy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Đình V.

Về con chung: Theo chị T, vợ chồng có 02 người con là: Vũ Nguyễn Tuyết A, sinh ngày: 06/5/2013 và cháu Vũ Đình Việt A, sinh ngày: 10/9/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị T.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Tuyết A và Việt A, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T tự thỏa thuận với anh V nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Theo chị T, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2022 và 25/10/2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Vũ Đình V trình bày:

Anh V thừa nhận, về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T, đúng như chị T đã trình bày, vợ chồng sống chung với nhau từ năm 2012, không đăng ký kết hôn theo luật định.

Theo anh V, thời gian đầu vợ chồng sống cùng nhau hạnh phúc, nhưng do công việc của anh V là cần phải giao tiếp nên có hay đi nhậu dẫn đến ít quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng hay cãi vã, bất đồng quan điểm, vợ chồng không được hòa hợp được các mối quan hệ và chị T không thông cảm cho công việc của anh V. Hiện nay anh V xác định vẫn còn tình cảm với chị T và cũng không muốn ảnh hưởng đến con khi thiếu tình thương của cả cha và mẹ nên anh V không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh V thừa nhận, vợ chồng có 02 người con là: Vũ Nguyễn Tuyết A, sinh ngày: 06/5/2013 và cháu Vũ Đình Việt A, sinh ngày: 10/9/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị T, khi ly hôn anh V đồng ý giao hai cháu Tuyết A, Việt A cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng và anh V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh V và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Theo anh V, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T. Đề nghị giao con Vũ Nguyễn Tuyết A, sinh ngày: 06/5/2013 và cháu Vũ Đình Việt A, sinh ngày: 10/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng và anh Vũ Đình V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết;

về nợ chung: Anh V, chị T khai không có, nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T và bị đơn anh Vũ Đình V có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Đình V, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Đình V có chỗ ở hiện nay tại: Ấp 4, xã B, thành phố L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Trên cơ sở lời thừa nhận của các đương sự, xác định anh V và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Điều này được nguyên đơn, bị đơn thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, anh V cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày, nhưng thời gian đầu vợ chồng sống cùng nhau hạnh phúc, do công việc của anh V là cần phải giao tiếp nên có hay đi nhậu dẫn đến không quan tâm đến vợ con nên cuộc sống vợ chồng hay cãi vã, bất đồng quan điểm, và chị T không thông cảm cho công việc của anh V. Hiện nay anh V xác định vẫn còn tình cảm với chị T và cũng không muốn ảnh hưởng đến con cái khi thiếu tình thương của cả cha và mẹ nên anh V không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, không dung hòa được mâu thuẫn, bất đồng là có thật, thời gian ly thân từ tháng 7/2022 đến nay nhưng anh chị vẫn không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện. Tuy nhiên, do nguyên đơn và bị đơn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ tư pháp quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T.

[4] Về con chung: Trước khi mở phiên tòa, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và cấp dưỡng, cụ thể anh V và chị T thỏa thuận: Giao con Vũ Nguyễn Tuyết A, sinh ngày: 06/5/2013 và cháu

Vũ Đình Việt A, sinh ngày: 10/9/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung trên đây là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T, anh V trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 235, 246, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ tư pháp;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Vũ Đình V.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Tuyết A, sinh ngày: 06/5/2013 và cháu Vũ Đình Việt A, sinh ngày: 10/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Vũ Đình V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị Ánh T chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0005957 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Khánh;
- Chi cục THA thành phố Long Khánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Hải